

**SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DI LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 158/QĐ-TTYYT

Di Linh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu số 4: Hoá chất huyết học và điện giải**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DI LINH

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp có hiệu lực từ ngày 16/5/2016;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UB-TC ngày 29/3/1989 của UBND tỉnh Lâm Đồng qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế Di Linh;

Căn cứ Quyết định số 3086/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm vật tư y tế, hoá chất, phim X-quang, khí y tế của Trung tâm Y tế huyện Di Linh năm 2021-2022;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT Gói thầu số 4: Hoá chất huyết học và điện giải ngày 27/01/2022 của tổ chuyên gia ;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 4: Hoá chất huyết học và điện giải ngày 11/02/2022 của tổ thẩm định;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch Nghiệp vụ và Dân số, Phòng Tài chính – Kế toán, Khoa Dược – Trang thiết bị - Vật tư y tế Trung tâm Y tế huyện Di Linh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 4: Hoá chất huyết học và điện giải với nội dung sau:

-Đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ M-Protech.

-Địa chỉ: 21A Sương Nguyệt Ánh, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

-Giá trúng thầu: **912.218.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm mười hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).

-Loại hợp đồng: Trọn gói.

-Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

(Danh mục các mặt hàng trúng thầu theo phụ lục đính kèm)

Điều 2: Trung tâm Y tế huyện Di Linh có trách nhiệm căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước, các nội dung phê duyệt nêu trên để thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu biết và tiến hành ký hợp đồng với nhà thầu được chọn.

Điều 3: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ và Dân số, Phòng Tài chính – Kế toán, Khoa Dược – Trang thiết bị - Vật tư y tế và các khoa phòng liên quan thuộc Trung tâm Y tế huyện Di Linh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-Như Điều 3;

-Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ M-Protech;

-Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Thành Quang

PHỤ LỤC
DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày /02/2022 của Trung tâm Y tế huyện Di Linh)

STT	Tên mặt hàng	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm theo TT14/2020	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
	I. Hoá chất huyết học							
1	Dung dịch Isotonac 3	Nihon Kohden Corporation/Nhật Bản	18 L/Thùng	Thùng	Nhóm 6	10	2.600.000	26.000.000
2	Dung dịch Cleanac	Nihon Kohden Corporation/Nhật Bản	5 L/can	Can	Nhóm 6	3	3.810.000	11.430.000
3	Dung dịch Hemolynac 3N	Nihon Kohden Tomioka Corporation/Nhật Bản	500 mL/ Lọ	Lọ	Nhóm 3	4	2.710.000	10.840.000
4	Dung dịch Cleanac 3	Nihon Kohden Corporation/Nhật Bản	5 L/can	Can	Nhóm 3	2	3.810.000	7.620.000
5	Máu chuẩn MEK - 3DN	R&D Systems Inc./Mỹ	2 ml/ Lọ	Lọ	Nhóm 3	8	2.500.000	20.000.000
6	Diluton LMG	SFRI SAS/ Pháp	Hộp/10 L	Hộp	Nhóm 3	10	2.250.000	22.500.000
7	Lysoglobulin LMG 2	SFRI SAS/ Pháp	Hộp/1 L	Hộp	Nhóm 3	6	3.245.000	19.470.000
8	Diluclair A	SFRI SAS/ Pháp	Hộp/1 L	Hộp	Nhóm 3	10	2.200.000	22.000.000
9	Hemaclair	SFRI SAS/ Pháp	Hộp 500 mL	Hộp	Nhóm 3	4	1.975.000	7.900.000

STT	Tên mặt hàng	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm theo TT14/2020	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
10	Cellpack DCL (DCL-300A)	Sysmex/ Singapore	20L x 1	Thùng	Nhóm 4	50	3.180.000	159.000.000
11	Sulfolyser	Sysmex/ Nhật Bản	1.5L x 2	Hộp	Nhóm 1	5	11.150.000	55.750.000
12	Lysercell WDF (WDF-210A)	Sysmex/ Singapore	5L x 1	Thùng	Nhóm 4	8	11.795.000	94.360.000
13	Fluorocell WDF	Sysmex/ Nhật Bản	42mL x 2	Hộp	Nhóm 1	6	42.518.000	255.108.000
14	Cellclean Auto	Sysmex/ Nhật Bản	4mL x 20	Hộp	Nhóm 1	6	3.000.000	18.000.000
15	XN-L CHECK Level 1	Streck/ Mỹ	3mL x 1	Lọ	Nhóm 1	3	3.270.000	9.810.000
16	XN-L CHECK Level 2	Streck/ Mỹ	3mL x 1	Lọ	Nhóm 1	12	3.270.000	39.240.000
17	XN-L CHECK Level 3	Streck/ Mỹ	3mL x 1	Lọ	Nhóm 1	3	3.270.000	9.810.000
II	Hoá chất điện giải							
18	Convergys ISE Cleaning soluiton	Convergent / Đức	4* 10ml/ Hộp	Hộp	Nhóm 3	5	1.650.000	8.250.000
19	Convergys ISE Calibrator - 1	Convergent / Đức	480 mL/ Chai	Chai	Nhóm 3	20	4.350.000	87.000.000
20	Convergys ISE Calibrator - 2	Convergent / Đức	200 mL/ Chai	Chai	Nhóm 3	10	2.517.000	25.170.000
21	Convergys ISE Electrode Filling Solution	Convergent / Đức	10 mL/ Chai	Chai	Nhóm 3	2	755.000	1.510.000
22	Convergys ISE	Convergent / Đức	10 mL/ Chai	Chai	Nhóm 3	2	725.000	1.450.000

